TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **66**/2025/DS-ST
Ngày: 13-11-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Lê Thị Thận;
2. Ông Trần Đức Hòa;
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST - DS, ngày 08 tháng 10 năm 2025 giữa:
1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm: 1982
Nơi đăng ký thường trú: thôn Đak W, xã Đak Nh, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn Đak W, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai).
Nơi cư trú: thôn Thống Nh, xã Đak Nh, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn Thống Nh, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai).
2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1990
Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 4, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai).
(Nguyên đơn có mặt, Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên bà có cho bà Nguyễn Thị S vay tiền nhiều lần gồm ngày 27/01/2024 cho vay 100.000.000đ hẹn 03 tháng trả; ngày 19/6/2024 cho vay 80.000.000đ, hẹn mấy ngày trả. Thời hạn trả là thỏa thuận miệng. Đến ngày 25/6/2024 cho vay 200.000.000 và hẹn sau 1 tuần trả toàn bộ số tiền vay. Khi vay

thỏa thuận lãi suất là 2.5%/ tháng (thỏa thuận miệng). Tổng số tiền cho vay là 380.000.000đ. Những lần vay nói trên có ghi nhận vào giấy và bà Nguyễn Thị S có ký nhận. Đến hạn, bà nhiều lần yêu cầu bà S trả thì bà S đã trả được tổng số tiền gốc là 90.000.000đ, trả làm nhiều lần gồm ngày 28/6/2024 trả 10.000.000đ, ngày 16/8/2024 trả 20.000.000đ, vào ngày 11/11/2024 trả 10.000.000đ, ngày 15/12/2024 trả 50.000.000đ (bằng hình thức cấn trừ bằng xe mô tô).

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả số tiền vay 290.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 25/6/2024 đến nay với lãi suất 1,125%/ tháng cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị L thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả số tiền vay 290.000.000đ và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 03/7/2024 đến nay với lãi suất 0,83%/ tháng cho đến khi thực hiện xong việc trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Na) phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L, buộc bị đơn bà Trần Thị L trả tiền vay 290.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị S (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị S.

[2] Xét: bà Trần Thị L khởi kiện bà Nguyễn Thị S yêu cầu trả số tiền vay 290.000.000đ đồng và tiền lãi quá hạn. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn bà Nguyễn Thị S cư trú tại thôn 4, xã Đ, huyện Bù Đ, tỉnh Bình Phước (nay là thôn 4, xã Đak Nh, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Nai.

[3] Xét giao dịch giữa bà Trần Thị L và bà Nguyễn Thị S được xác lập trong năm 2024. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Bà Trần Thị L khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi quá hạn. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".* Theo lời khai của nguyên đơn cũng như nội dung của giấy vay tiền thì thời hạn trả là ngày 2/7/2024. Ngày 2/4/2025, bà Trần Thị L nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[5] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả số tiền vay 290.000.000 đồng: bà Trần Thị L khai nhận bà có cho bà Nguyễn Thị S vay số tiền là 380.000.000đ, vay làm nhiều lần gồm: ngày 27/01/2024 cho vay 100.000.000đ hẹn 03 tháng trả; ngày 19/6/2024 cho vay 80.000.000đ, hẹn mấy ngày trả. Thời hạn trả thỏa thuận miệng. Đến ngày 25/6/2024 cho vay 200.000.000đ và hẹn sau 1 tuần trả toàn bộ số tiền vay. Việc vay tiền có ghi nhận giấy tờ và bà Nguyễn Thị S ký nhận. Bà Trần Thị L cung cấp giấy tờ có nội dung vay tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị S nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị S vẫn vắng mặt xem như tự từ bỏ việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị S cho bà Trần Thị L vay tiền là có thật.

Bà Trần Thị L khai nhận, quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thị S đã trả tổng số tiền là 90.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 290.000.000đ. Lời khai của bà Trần Thị L phù hợp với nội dung của giấy vay và nội dung tin nhắn giữa các bên. Trong giấy vay tiền có ghi nhận *"hẹn sau một tuần trả tất cả"*. Như vậy, thời hạn bà Nguyễn Thị S phải trả tiền vay cho bà Trần Thị L chậm nhất là ngày 02/7/2024. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn".* Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị S trả số tiền vay còn nợ lại 290.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về yêu cầu trả tiền lãi chậm trả:

[6.1] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo nội dung đơn khởi kiện thì bà Trần Thị L khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S trả tiền lãi quá hạn tính từ ngày 25/6/2024 theo lãi suất 1,125%/ tháng. Tại phiên tòa, bà Trần Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị S trả tiền lãi chậm trả tính từ ngày 03/7/2024 với lãi suất 0,83%/ tháng. Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu".* Xét thấy, yêu cầu thay đổi của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.2] Về yêu cầu trả tiền lãi: Bà Trần Thị L yêu cầu trả tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán tính từ ngày 3/7/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ. Tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như*

sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác". Tại phiên tòa bà Trần Thị L khai nhận khi vay các bên có thỏa thuận lãi, lãi suất là 2,5%/ tháng. Xét, trong giấy vay tiền có ghi nhận "lãi suất ngày", nhưng không ghi nhận rõ mức lãi suất nên không có cơ sở xác định mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận. Tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".* Như vậy, lãi suất được áp dụng là 0,83%/ tháng. Do đó, yêu cầu của bà Trần Thị L là phù hợp nên được chấp nhận và tiền lãi chậm trả (quá hạn) của bà Trần Thị L được tính cụ thể như sau: Từ ngày 03/7/2024 đến ngày 13/11/2025 (ngày xét xử) x 0,83%/ tháng x 16 tháng 10 ngày x 290.000.000 đồng = 39.314.330 đồng.

Như vậy, số tiền gốc và tiền lãi bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Trần Thị L là 290.000.000 đồng + 39.314.330 đồng = 329.314.330 đồng.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với phù hợp với quy định của pháp luật và quan điểm giải quyết của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn bà Nguyễn Thị S

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S trả cho nguyên đơn bà Trần Thị L số tiền vay là 290.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 03/7/2024 đến ngày 13/11/2025 là 39.314.330 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả: 329.314.330 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.465.717 đồng.

Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị L số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 8.065.625 đồng theo biên lai thu tiền số 0009775 ngày 06 tháng 5 năm 2025.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/11/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu văn phòng/ hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh